TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN DƯƠNG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - T do - Hạnh phúc**

Bản án số: **40/**2023/HNGĐ-ST
Ngày 16 tháng 5 năm 2023
V/v: TrA chấp hôn nhân gia đình giữa chị Phạm Thị G và A Nguyễn Văn D

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bàn Văn Thế.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Vượng
Ông Nguyễn DA Long.

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Hồng Ngọc - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 16/5/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 461/2022/TLST-HNGĐ, ngày 28/10/2022 về việc trA chấp hôn nhân gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20/3/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2023QĐST-HNGĐ, ngày 18/4/2022, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Phạm Thị G, sinh năm 1994. Nơi ĐKHKTT và nơi ở: Thôn A, xã AV, huyện S, tỉnh T (Vắng mặt, có văn bản đề nghị giải quyết xét xử vắng mặt).

- ***Bị đơn:*** A Nguyễn Văn D, sinh năm 1993. Nơi ĐKHKTT và nơi ở: Thôn A, xã AV, huyện S, tỉnh T (Vắng mặt).

- ***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:** Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1964 và bà Vũ Thị B, sinh năm 1969; cùng nơi ĐKHKTT và nơi ở: Thôn A, xã AV, huyện S, tỉnh T (Đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản T khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị G trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị (Phạm Thị G) và A Nguyễn Văn D được T do tìm hiểu, T nguyện kết hôn và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn ngày 18/8/2016 tại Uỷ ban nhân dân xã AV, huyện

Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sinh sống tại thôn A, xã AV, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống sinh hoạt; đã nhiều lần hai bên gia đình hòa giải nhưng hai vợ chồng vẫn không thể hòa hợp được, mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Cũng từ đầu năm 2022 đến nay vợ chồng sống ly thân, không còn quan hệ về tình cảm và kinh tế với nhau nữa. Chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với A Nguyễn Văn D.

- Về con chung: A chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Hải A, sinh ngày 17/4/2017 và cháu Nguyễn Uyên L, sinh ngày 05/3/2019. Khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Hải A; A D trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Uyên L. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: A chị T thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị T nguyện chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại bản T khai đề ngày 12/8/2022 (BL 19), bị đơn A Nguyễn Văn D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: A (Nguyễn Văn D) và chị Phạm Thị G được T do tìm hiểu, T nguyện tiến tới hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục, tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn từ năm 2016 tại Uỷ ban nhân dân xã AV, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sinh sống tại thôn A, xã AV, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không còn hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và kinh tế trong gia đình, cũng từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân, nhưng chị G yêu cầu ly hôn thì A không nhất trí.

- Về con chung: A chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Hải A, sinh ngày 17/4/2017 và cháu Nguyễn Uyên L, sinh ngày 05/3/2019. Nếu ly hôn thì A đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung và không yêu cầu chị G phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống, A chị có tài sản là một quán spa (nơi ở của hai vợ chồng và con) hai vợ chồng cùng làm, sắm đồ và một quán dép. Đề nghị Tòa án xem xét.

- Vay nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/3/2023 (BL 45, BL46), người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T và bà Vũ Thị B thống nhất trình bày:

Ông bà (T, B) là bố mẹ đẻ của A Nguyễn Văn D, là bố mẹ chồng của chị Phạm Thị G.

A chị D, G được T do tìm hiểu, T nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn ngày 18/8/2016 tại Uỷ ban nhân dân xã AV, huyện Sơn Dương. Sau khi kết hôn thì A chị D G ở với vợ chồng ông bà khoảng ba tháng thì A chị G D chuyển ra ngoài mặt đường thuê nhà và đồng thời làm spa. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 7/2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn thì ông bà cũng không nắm được cụ thể, nhưng A D và chị G có cãi nhau, sau đó chị G chuyển về nhà ngoại tại thôn Bờ Sông, xã AV sinh sống, A chị G D ly thân từ tháng 8/2022 đến nay, A D lại chuyển về sinh sống cùng gia đình tại thôn A, xã AV và đi làm tại nhà máy gang thép Tuyên Quang.

A chị D G có hai con chung là cháu Nguyễn Hải A, sinh ngày 17/4/2017 và cháu Nguyễn Uyên L, sinh ngày 05/3/2019. Khi A chị G D ly thân thì cháu A ở với chị G, còn cháu L ở với A D.

Về tài sản chung thì A chị G D chỉ có những đồ dùng sinh hoạt và đồ để làm spa tại quán.

Về vay nợ chung: Khi A chị D G cưới nhau thì ông bà có vay Ngân hàng 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*), đến năm 2017 vay thêm 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*), tổng cộng là 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*) để cho vợ chồng chị G A D làm ăn, mở quán spa. Quan điểm của ông bà là không đồng ý cho A chị G D ly hôn để hai đứa cháu có bố, có mẹ đầy đủ. Gia đình ông bà theo đạo Thiên chúa giáo và trong giáo luật không cho phép vợ chồng ly hôn, gia đình cũng đã kiên trì hòa giải, đã nhờ Ban hòa giải của thôn A và Cha xứ Đồng Chương của xã AV hòa giải nhưng chị G không chịu quay về đoàn tụ với A D. Gia đình mong muốn Tòa án và cơ quan chức năng tạo điều kiện hòa giải thêm cho A D, chị G quay về với nhau.

Trường hợp nếu chị G vẫn kiên quyết ly hôn với A D thì ông bà yêu cầu chị G và A D phải trả lại cho ông bà số tiền 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*) để ông bà tặng cho lại cháu A và cháu L. Hiện tại, ông bà chưa yêu cầu A D và chị G trả số tiền này, nếu A D và chị G không quay về đoàn tụ với nhau thì ông bà sẽ có văn bản yêu cầu sau hoặc khởi kiện bằng một vụ án khác.

Xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện: Về quan hệ hôn nhân thì chị Phạm Thị G và A Nguyễn Văn D có đăng ký kết hôn theo quy định, được T do tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục của địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn A, xã AV, huyện Sơn Dương. Đến tháng 8/2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, sinh hoạt, vợ chồng có lần cãi chửi nhau, chị G chuyển về nhà ngoại sinh sống. Vợ chồng A chị D G đã được chính quyền địa phương và hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không thành.

Về con chung: A chị D G có hai con chung là cháu Nguyễn Hải A, sinh ngày 17/4/2017 và cháu Nguyễn Uyên L, sinh ngày 05/3/2019. Khi ly thân thì cháu Hải A sống cùng chị G và ông bà ngoại; cháu L sống cùng A D và ông bà nội. Hiện tại cuộc sống của hai cháu đều đảm bảo.

Về tài sản chung: Trước đây A chị D G có một cửa hàng dép và cửa hàng spa (thuê địa điểm mở cửa hàng), nhưng từ khi ly thân thì A chị D G không còn làm chung nữa, chị G chuyển đồ đạc trong cửa hàng spa về nhà ngoại để làm.

Về vay nợ chung: Địa phương nắm được trước đây A chị D G có nhờ bố mẹ chồng vay hộ 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*) tại Ngân hàng Agribank – Chi nhánh Chợ Xoan, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang mang tên ông Nguyễn Văn T.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định; bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không tham gia các phiên họp, hòa giải của Tòa án nhưng đã có bản T khai và biên bản lấy lời khai. Đề nghị giải quyết theo thủ tục chung theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử cho chị Phạm Thị G và A Nguyễn Văn D ly hôn; giao cháu Nguyễn Hải A, sinh ngày 17/4/2017 cho chị Phạm Thị G trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục; giao cháu Nguyễn Uyên L, sinh ngày 05/3/2019 cho A Nguyễn Văn D trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản và vay nợ chung, do chị G không có yêu cầu khởi kiện, A Nguyễn Văn D không có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn T và bà Vũ Thị B không có yêu cầu độc lập nên không xem xét giải quyết trong cùng vụ án.

Chị Phạm Thị G phải chịu án phí theo quy định, A Nguyễn Văn D không phải nộp án phí; các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị G và A Nguyễn Văn D kết hôn với nhau trên cơ sở T nguyện, T do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống sinh hoạt, bất đồng về kinh tế. Cũng từ năm 2022 đến nay vợ chồng A chị G D sống ly thân, cả hai bên đều không có biện pháp hiệu quả để hàn gắn quan hệ vợ chồng; hai bên gia đình và chính quyền địa phương đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả; quá trình

giải quyết vụ án Tòa án đã kiên trì hòa giải, bản thân A D không nhất trí ly hôn nhưng không đến Tòa để tham gia các phiên họp, hòa giải do Tòa án tiến hành.

Như vậy, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng A chị G D đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Phạm Thị G và A Nguyễn Văn D ly hôn.

[2] Về con chung: A D và chị G có 02 (hai) con chung là cháu Nguyễn Hải A, sinh ngày 17/4/2017 và cháu Nguyễn Uyên L, sinh ngày 05/3/2019. Kể từ thời điểm A D và chị G sống ly thân thì cháu Nguyễn Uyên L sinh sống cùng A D và ông bà nội; cháu Nguyễn Hải A sinh sống cùng chị G và ông bà ngoại, cuộc sống của các cháu vẫn đảm bảo. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Nguyễn Hải A, sinh ngày 17/4/2017 cho chị Phạm Thị G trực tiếp nuôi dưỡng trông nom chăm sóc, giáo dục; giao cháu Lê Thùy L, sinh ngày 30/7/2011 cho A Nguyễn Văn D trực tiếp nuôi dưỡng trông nom chăm sóc, giáo dục là phù hợp. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung; tại bản T khai ngày 12/8/2022, bị đơn có đề nghị Tòa án xem xét về tài sản nhưng quá trình giải quyết vụ án bị đơn không có yêu cầu phản tố và cũng không tiếp tục đến Tòa án để giải quyết vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét chia tài sản chung của vợ chồng trong cùng vụ án. Nếu A chị G D không thỏa thuận được với nhau về tài sản chung thì một trong hai bên có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[4] Vay nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn T, bà Vũ Thị B và A D xác định A chị G D có nhờ ông T, bà B vay hộ 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*) tại Ngân hàng Agribank – Chi nhánh xã Thượng Ấm (Chợ Xoan), huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, khoản vay mang tên ông Nguyễn Văn T. Nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 09/3/2023 của ông Nguyễn Văn T và bà Vũ Thị B đều có quan điểm là chưa yêu cầu Tòa án giải quyết trong cùng vụ án này (không có yêu độc lập), nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này. Nếu các đương sự không thỏa thuận được với nhau thì ông T, bà B có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị G phải chịu án phí sơ thẩm; các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81,82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị G với A Nguyễn Văn D ly hôn.

2. Về con chung:

- Giao cháu Nguyễn Hải A, sinh ngày 17/4/2017 cho chị Phạm Thị G trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục;

- Giao cháu Nguyễn Uyên L, sinh ngày 05/3/2019 cho A Nguyễn Văn D trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục.

Các đương sự không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị G phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số AA/2021/0002392, ngày 28/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Chị Phạm Thị G đã nộp đủ án phí.

A Nguyễn Văn D không phải nộp án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mươi lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- UBND xã AV (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bàn Văn Thế

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Văn Vượng **Nguyễn DA Long** **Bàn Văn Thế**